TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 12 – 2021
V/v: *tranh chấp "ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh

2. Bà Lê Thái Thị Kim Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 327/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc: Tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2021; Thông báo dời lịch xét xử ngày 04 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1985.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Hữu H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/08/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng ở khu phố 7, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường chứ không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Nguyễn Hữu H nhậu nhẹt, say xỉn về chửi vợ, chửi con hàng ngày. Vì các con còn nhỏ nên bà đã nhiều lần chịu đựng và tha thứ cho ông Nguyễn Hữu H. Bà cũng đã hai lần nộp đơn đến Tòa án vào tháng 09 và tháng 12 năm 2020 để yêu cầu giải quyết ly hôn và khi Thẩm phán hòa giải thì ông Nguyễn Hữu H năn nỉ bà tha thứ hết lần này đến lần khác nên bà đã rút đơn về để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng; nhưng khi về nhà ông Nguyễn Hữu H vẫn chứng nào tật đó không thay đổi, cứ nhậu say vào là chửi mắng vợ con. Vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà đã đã suy nghĩ kỹ và thấy rằng không còn tình cảm với ông Nguyễn Hữu H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hữu C, sinh năm: 2002(*Đã trưởng thành*); Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H. Đối với con chung Nguyễn Hữu C hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà làm nghề buôn bán quần áo ở chợ M, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng nên có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2021 ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ông và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng ở khu phố 7, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đôi khi ông có uống vài ly bia về chửi vợ và các con cũng là do vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc nhưng chuyện không lớn; Ông vẫn còn thương vợ và các con, ông có ngồi lại nói chuyện với vợ để hàn gắn lại tình cảm và xin vợ tha thứ nhưng vợ ông nhất quyết ly hôn. Nay vợ ông yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hữu C, sinh năm: 2002(*Đã trưởng thành*); Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn Hữu C hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Hữu H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị N là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012. Ông Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp " *ly hôn, nuôi con*" theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H có địa chỉ cư trú tại phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án vào ngày 06/09/2021 đã có mặt tại Tòa án nhưng không tự viết bản khai nên thẩm phán đã tiến hành lấy lời khai. Sau khi nghe thư ký đọc lại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Hữu H công nhận thư ký đã ghi đúng với ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng ông Nguyễn Hữu H không ký vào biên bản và bỏ về. Từ đó đến nay, ông Nguyễn Hữu H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại tất cả các phiên Hòa giải và phiên xét xử mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Hữu H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 64; quyển số 01, ngày 24/4/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị N trình bày: Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Nguyễn Hữu H nhậu nhẹt, say xỉn về chửi vợ, chửi con hàng ngày. Vì các con còn nhỏ nên bà đã nhiều lần chịu đựng và tha thứ cho ông Nguyễn Hữu H. Bà cũng đã hai lần nộp đơn đến Tòa án vào tháng 09 và tháng 12 năm 2020 để yêu cầu giải quyết ly hôn và khi Thẩm phán hòa giải thì ông Nguyễn Hữu H năn nỉ bà tha thứ hết lần này đến lần khác nên bà đã rút đơn về để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng; nhưng khi về nhà ông Nguyễn Hữu H vẫn chứng nào tật đó không thay đổi, cứ nhậu say vào là chửi mắng vợ con. Vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà đã đã suy nghĩ kỹ và thấy rằng không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 28/9/2021 của bà Trần Thị N nộp cho Tòa án, Trưởng ban quản lý khu phố 7 phường M thành phố Phan Rang – Tháp Chàm xác nhận: " Đơn trình bày của bà Trần Thị N là đúng ". Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2021 ông Nguyễn Hữu H cũng thừa nhận: " Đôi khi ông có uống vài ly bia về chửi vợ và các con cũng là do vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc"; Điều đó thể hiện rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị N là có thật. Ngoài ra, trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hữu H vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử, có thái độ bỏ mặc không thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị N đã thật sự gay gắt làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thị N yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị N có 03 con chung tên: Nguyễn Hữu C, sinh năm: 2002 ; Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Hữu Ch, sinh năm: 2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012 thì ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hai trẻ H và H đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ; Bà Trần Thị N làm nghề buôn bán có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nên có đủ khả năng để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao 02 con chung tên Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Trần Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hữu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập tới.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016/ UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; bà Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 56, điều 58, Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

2/.Về quan hệ con chung:

Giao cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên: Nguyễn Hữu H, sinh ngày 21/10/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 24/01/2012.

Ông Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (B*a trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0025794, ngày 25/08/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm*);

4/.Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị N và bị đơn ông Nguyễn Hữu H. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Ninh Thuận;*
- *VKSND tỉnh Ninh Thuận;*
- *VKSND TP. Phan Rang- Tháp Chàm;*
- *CC THADS TP.Phan Rang-Tháp Chàm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Mỹ Đông;*
- *Lưu HS +Án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Phước Mỹ

(*Giấy CNKH số 118, quyển số 01,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ngày 20/9/2010);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Trịnh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Huỳnh Sinh **Nguyễn Thị Minh Trâm** **Đường Nguyễn Thanh Thảo**

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." Bà Diễm và ông Phong tuy sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai, ông Phong không tham gia tố tụng tại Tòa án, điều này thể hiện sự bỏ mặc không hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy